

PHỤ LỤC 5

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - ĐỊA BÀN HUYỆN EA KAR

Kèm theo nghị quyết số 34/2007/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2007 của HĐND tỉnh

ĐVT: đồng / m²

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá bán hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
I	Thị trấn EaKar					
1	Nguyễn Tất Thành	Cầu 52 (giáp Cư Huê - Ea Kmút)	Km 53 (Hết trường Ngô Gia Tự)	1,700,000		2,000,000
		Km 53	Hoàng Diệu	2,500,000		3,000,000
		Hoàng Diệu	Km 53 (đường phía Đông chợ)	3,800,000		4,500,000
		Km 53 (đường phía Đông chợ)	Mai Hắc Đế	3,000,000		3,500,000
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	2,500,000		3,000,000
		Trần Phú	Hết Ủy ban dân số gia đình và Trẻ em	2,000,000		2,500,000
		Hết Ủy ban dân số gia đình và Trẻ em	Km 54 + 700(ranh giới Ea Kar - Ea Dar)	1,000,000		1,500,000
2	Quang Trung	Nguyễn Tất Thành	Hết Ngân hàng NN-PTNT	2,500,000		3,000,000
		Hết Ngân hàng NN-PTNT	Ngã 3 đi đội 6 Cư Ni	2,000,000		2,500,000
		Km 0 + 350 (Ngã 3 đi đội 6 Cư Ni)	Km 0 + 960 (Giáp xã Cư Ni)	1,500,000		2,000,000
3	Hoàng Diệu	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	2,500,000		3,000,000
4	Hai Bà Trưng	Hoàng Văn Thụ	Âu Cơ	1,000,000		1,500,000
5	Đường chợ phía Đông	Quốc lộ 26	Hai Bà Trưng	2,500,000		3,000,000
6	Chu Văn An	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	850,000		900,000
7	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	700,000		800,000
8	Trần Phú	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	2,000,000		2,500,000
		Lê Thị Hồng Gấm	Hồ Xuân Hương	1,300,000		1,500,000
		Hồ Xuân Hương	Km1	700,000		800,000
		Km1	Ngã 3 đường đi Buôn Thung cũ	450,000		500,000
9	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Tất Thành	Hết Bệnh viện	1,200,000		1,500,000
		Hết Bệnh viện	Giáp xã Cư Ni	500,000		550,000
10	Lý Thương Kiệt	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	850,000		1,000,000
11	Đường phía Nam Hoa viên	Trần Hưng Đạo	Trần Thánh Tông	500,000		550,000
12	Trần Thánh Tông	Lý Thương Kiệt	Lạc Long Quân	700,000		800,000
13	Lạc Long Quân	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	500,000		550,000
14	Ngô Gia Tự	Nguyễn Tất Thành	Cổng thoát nước ở phía Nam NM nước đá	850,000		1,000,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Cống thoát nước ở phía Nam NM nước đá	Phạm Ngũ Lão	700,000		800,000
		Phạm Ngũ Lão	Trần Huy Liệu	600,000		700,000
		Trần Huy Liệu	Nguyễn Văn Cừ	500,000		600,000
		Nguyễn Văn Cừ	Giáp đập Nông trường 720	400,000		500,000
15	Nguyễn Bình Khiêm	Đầu đường	Hết đường	400,000	400,000	
16	Cao Bá Quát	Đầu đường	Hết đường	400,000	400,000	
17	Nguyễn Thái Học	Đầu đường	Hết đường	400,000	400,000	
18	Nguyễn Tri Phương	Đầu đường	Hết đường	300,000		400,000
19	Trần Huy Liệu	Đầu đường	Hết đường	400,000	400,000	
20	Khu dân cư khối 2A + 2B			200,000	200,000	
21	Khu dân cư khối 3A + 3B			250,000		300,000
22	Nguyễn Thị Minh Khai	Hai Bà Trưng	Lê Thị Hồng Gấm	400,000	400,000	
		Lê Thị Hồng gấm	Hết đường	350,000		400,000
23	Nguyễn Trãi	Hai Bà Trưng	Lê Thị Hồng Gấm	1,500,000	1,500,000	
		Lê Thị Hồng gấm	Đình Núp	1,000,000	1,000,000	
		Đình Núp	Hết đường	500,000	500,000	
24	Mai Hắc Đế	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	1,500,000	1,500,000	
		Lê Thị Hồng Gấm	Hết đường	600,000	600,000	
25	Y Ngông	Nguyễn Tất Thành	Đình Núp	800,000	800,000	
		Đình Núp	Hết đường	500,000	500,000	
26	Mạc Đình Chi	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	700,000	700,000	
		Lê Thị Hồng gấm	Hết đường	500,000	500,000	
27	Lê Thị Hồng Gấm	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Trãi	500,000	500,000	
		Nguyễn Trãi	Mạc Đình Chi	850,000	850,000	
		Mạc Đình Chi	Trần Phú	700,000	700,000	
		Trần Phú	Hết hội trường khối 4	400,000	400,000	
		Hết Hội trường khối 4	Hết đường	200,000	200,000	
28	Đình Núp	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	300,000	300,000	
		Nguyễn Trãi	Mai Hắc Đế	600,000	600,000	
		Mai Hắc Đế	Hết đường	500,000	500,000	
29	Hồ Xuân Hương	Trần Phú	Hết trường tiểu học Ngô Thi Nhậm	400,000	400,000	
		Hết Trường Tiểu học Ngô Thi Nhậm	Hết đường	150,000	150,000	
30	Lê Lợi	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	850,000	850,000	

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Lê Thị Hồng Gấm	Hết đường	500,000	500,000	
31	Trần Quang Khải	Trần Phú	Hết hội trường khối 4	400,000	400,000	
		Hết Hội trường khối 4	Hết đường	200,000	200,000	
32	Nguyễn Du	Đầu Đường	Hết đường	200,000	200,000	
33	Khu dân cư 6 buôn ĐBDT			150,000	150,000	
34	Khu dân cư tổ dân phố 1,4,5			150,000	150,000	
35	Khu dân cư còn lại			60,000	60,000	
II	Thị trấn Ea Knốp					
1	Quốc lộ 26	Ranh giới Ea Đar - Ea Knốp	Km 62 + 700 (đường vào Bãi vàng)	300,000		350,000
		Km 62 + 700 (đường vào Bãi vàng)	Km 63	500,000		600,000
		Km 63	Km 63 + 400 (quán bà Mười)	850,000		1,000,000
		Km 63 + 400 (quán bà Mười)	Đường vào khối 3 (nhà ông Hoan)	1,500,000		1,800,000
		Đường vào khối 3 (nhà ông Hoan)	Đường vào Nhà máy đường (hết công viên)	2,000,000		2,500,000
		Đường vào Nhà máy đường (hết công viên)	Km 64	1,300,000		1,800,000
		Km 64	Km 64 + 760 (đường vào kho D.19 cũ)	500,000		600,000
		Km 64 + 760 (đường vào kho D.19 cũ)	Ranh giới Ea Knốp - Ea Tih	350,000		500,000
2	Đường bùng binh	Ngã 3 Quốc lộ 26	Đường đi Cư Jang	700,000		800,000
3	Đường vào Cư Jang	Km0 Ngã 3 Quốc lộ 26	Đường bùng binh UBND thị trấn (cổng TTVH 333)	1,300,000	1,300,000	
		Cổng Trung tâm văn hoá 333	Km 0 + 650 (đường vào Nhà máy đường)	850,000		1,000,000
		Km 0 + 650 (đường vào Nhà máy đường)	Đường vào cơ khí cũ	250,000		300,000
		Đường vào cơ khí cũ	Đập nước	170,000		200,000
		Đập nước	Hết T.tâm NT . 722 (Ngã 3 đi N.Trang 722	130,000		150,000
		Ngã 3 đi Nghĩa trang công ty 722	Ranh giới Ea Knốp - EaPal	100,000		120,000
4	Đường phía Đông chợ	Km 0, Quốc lộ 26	Đường phía Bắc chợ	350,000	350,000	
5	Đường phía Tây chợ	Km 0, Quốc lộ 26	Đường phía Bắc chợ	350,000	350,000	
6	Đường phía Bắc chợ	Đường phía Đông chợ	Đường phía Tây chợ	170,000		200,000
7	Khu dân cư các khối còn lại trong thị trấn (trừ điểm 8 dưới)			55,000	55,000	
8	Khu dân cư còn lại			40,000	40,000	
III	Xã Ea Đar					
1	Quốc lộ 26	Km 54 + 700 ranh giới Ea Đar - Ea Kar	Km 55 + 554 (ngã tư hai buôn)	900,000		1,200,000
		Km 55 + 554 (ngã tư hai buôn)	Ngã 3 đường vào vùng cà phê 30 ha	600,000		700,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Ngã 3 đường vào vùng cà phê 30 ha	Km 57	500,000	500,000	
		Km 57	Ngã 3 đường đi thôn 10	1,000,000		1,100,000
		Ngã 3 đường đi thôn 10	Cổng trường Dân tộc nội trú	1,000,000		1,500,000
		Cổng trường Dân tộc nội trú	Đường phía Đông chợ	1,200,000		1,800,000
		Đường phía Đông chợ	Km 60(ngã 3 thôn Hữu Nghị)	900,000		1,000,000
		Km 60 (ngã 3 thôn Hữu Nghị)	Ranh giới EanDar - EanKnốp	450,000		500,000
2	Đường đi xã EanSô	Quốc lộ 26	Sông Krông Năng	250,000	250,000	
3	Khu dân cư thôn 3 + 4 + 9+13+16			40,000		50,000
4	Khu dân cư thôn 5 + 7+14			50,000		60,000
5	Khu vực còn lại			30,000		40,000
IV	Xã Cư Ni					
1	Đường đi NT 720	Km 0 + 960 (Ranh giới xã Cư Ni - EaKar)	Quỹ Tín dụng Cư Ni	1,250,000	1,250,000	
		Quỹ Tín dụng Cư Ni	Ngã 4 cổng Đoàn NT 720	1,250,000	1,250,000	
		Ngã 4 cổng Đoàn NT 720	Km 2 + 850 (ngã 3 vào đội 8 NT 720)	1,250,000	1,250,000	
		Km 2 + 850 (ngã 3 vào đội 8 NT 720)	Km 3 + 040 (ngã 3 vào xóm)	400,000		450,000
		Km 3 + 040 (ngã 4 vào xóm)	Trạm điện hạ thế NT 721 (km 7 + 500)	250,000	250,000	
		Trạm điện hạ thế NT 721(km 7 + 500)	Đường vào Trạm Y tế NT 721	400,000	400,000	
		Đường vào Trạm Y tế NT 721	Cầu Ea Ô (Giáp xã EaÔ)	85,000		100,000
2	Đường vào đội 6	Quang Trung (thị trấn EaKar)	Hết đường	600,000	600,000	
3	Khu dân cư thôn 5 + 6			50,000		60,000
4	Khu dân cư Quảng Cư 1 và 2			30,000		40,000
5	Khu dân cư thôn 1A, 1B, 2A, 2B, 3, 4			60,000		70,000
6	Khu dân cư Ea Sinh 1 + 2			30,000		40,000
7	Khu vực còn lại			24,000		30,000
V	Xã EaKmút					
1	Quốc lộ 26	Cầu 50	Ngã 3 đường đi Ninh Thanh - Ea Kmút	500,000		600,000
		Ngã 3 đường đi Ninh Thanh - Ea Kmút	Ngã 3 đường đi Tứ Lộc	1,000,000		1,200,000
		Ngã 3 đường đi Tứ Lộc	Ngã 4 đường đi vào chợ Ea Bar	1,250,000		1,400,000
		Ngã 4 đường đi vào chợ Ea Bar	Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	1,000,000	1,000,000	
		Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Cầu 52	1,000,000	1,000,000	
2	Đường Liên thôn đi Ninh Thanh	Quốc lộ 26	Ngã 4 trạm xá Ea Kmút	250,000		300,000
		Ngã 4 trạm xá Ea Kmút	Hết UBND xã	150,000		180,000
3	KDC Buôn gà, thôn cư cúc, đoàn kết			50,000	50,000	

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
4	Khu vực còn lại			30,000		40,000
VI	Xã Cư Huê					
1	Quốc lộ 26	Cầu 50	Ngã 3 đường Ninh thanh - EaKmút	500,000		600,000
		Ngã 3 đường Ninh Thanh - EaKmút	Ngã 3 đường đi Tứ Lộc	1,000,000		1,200,000
		Ngã 3 đường đi Tứ Lộc	Ngã 4 đường vào chợ Ea Bar	1,250,000		1,400,000
		Ngã 4 đường vào chợ Ea Bar	Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	1,000,000	1,000,000	
		Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Cầu 52	1,000,000	1,000,000	
2	Đường liên thôn đi Tứ Lộc	Quốc lộ 26	Hết Buôn Ea Bar	350,000		400,000
		Hết Buôn Ea Bar	Ngã 3 đi đập Ea But	150,000	150,000	
3	Khu dân cư thôn Hợp Thành, Cư An, An Cư, Cư Nghĩa, và các buôn ĐBDT			50,000		60,000
4	Khu vực còn lại			30,000		40,000
VI	Xã Ea Tih					
1	Quốc lộ 26	Ranh giới Ea Knốp - Ea Tih	Km 67 + 700 (nhà ông bảy Tuần)	350,000		400,000
		Km 67 + 700(nhà ông bảy Tuần)	Km 68 + 300	550,000		600,000
		Km 68 + 300	Km 69 + 400	200,000		250,000
		Km 69 + 400	Ranh giới Ea Kar - Ma Đ' rắk	120,000		150,000
2	Đường Liên xã đi EaPa 1	Km 0 Quốc lộ 26	Hết trường Tô Hiệu	200,000		250,000
3	Khu dân cư thôn Trung tâm			60,000	60,000	
4	Khu dân cư ven đường Liên xã	Trường Tô Hiệu	Ranh giới Ea Pa 1	60,000	60,000	
5	Khu vực còn lại			15,000		25,000
VII	Xã Ea Ô					
1	Đường liên xã Cư Ni đi Ea Ô	Cầu Ea Ô	Ngã 3 Nông trường 716	450,000		500,000
2	Đường liên xã Ea Ô đi NT 718	Ngã 3 Nông trường 716	Ngã 3 cây xăng NT 716	450,000		500,000
		Ngã 3 cây xăng NT 716	Giáp xã Vụ Bôn	80,000		100,000
3	Đường liên xã Ea Ô đi Ea Pal	Ngã 3 Nông trường 716	Hết trạm xá Ea Ô	450,000		500,000
		Trạm xá xã Ea Ô	Ngã 3 đi lò gạch	170,000		200,000
4	Khu dân cư Trung tâm xã			60,000		100,000
5	Đường liên xã Ea Ô-Cư E lang	Ngã 3 cây xăng NT 716	Cầu qua sông Krông Păk	100,000		120,000
6	Khu dân cư còn lại			30,000	30,000	
VIII	Xã Xuân Phú					
1	Tỉnh lộ 3	Giáp TT Ea Kar	UBND xã	500,000		550,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		UBND xã	Đường đi vùng dự án cao su NT 720	250,000		300,000
		Đường đi vùng dự án cao su NT 720	Ranh giới Ea Kar - Krông Năng	150,000	150,000	
2	Đường đi vùng dự án cao su NT 720	Tỉnh lộ 3	Giáp sông Krông Năng	170,000	170,000	
	Đường liên xã	Ngã 3 Buôn Thung	Hết thôn 5	120,000	120,000	
		Hết thôn 5	Ngã 3 đi đập E Nuôi	80,000	80,000	
3	Khu dân cư thôn 3,4,5			50,000	50,000	
4	Khu dân cư nam sông Krông Năng			30,000	30,000	
5	Khu dân cư bắc sông Krông Năng			15,000		20,000
IX Xã EaPal						
1	Đường liên xã EaKnốp	Ranh giới Ea Knốp - Ea Pal	Trường Phan Chu Trinh	100,000		120,000
		Trường Phan Chu Trinh	Trạm xá Nông trường 714	400,000		450,000
		Trạm xá Nông trường 714	Ranh giới Ea Pa 1 - Cư Jang	85,000		100,000
2	Khu dân cư thôn 12, 13			30,000	30,000	
3	Khu vực còn lại			20,000		25,000
X Xã Cư Jang						
1	Đường liên xã Ea Pal - Cư Jang	Ranh giới Ea Pa 1 - Cư Jang	Cầu C13	100,000		120,000
		Cầu C 13	Trạm xá xã	150,000		200,000
		Trạm xá xã	Cầu thôn 6	300,000		350,000
		Cầu thôn 6	Cầu thôn 9	50,000		70,000
2	Khu dân cư thôn 6			30,000	30,000	
3	Khu vực còn lại			15,000		20,000
XI Xã EaSô						
1	Đường liên xã Ea Ô - Ea Đar	Cầu sông Krông Năng	Ngã 3 đi thôn 10	200,000		250,000
		Ngã 3 đi thôn 10	Trường La Văn Cầu	150,000	150,000	
		Trường La Văn Cầu	Trạm xá xã	250,000		300,000
		Trạm xá xã	Ngã 3 đường đi thôn 1	150,000	150,000	
		Ngã 3 đường đi thôn 1	Giáp cầu Ea Đá	100,000		150,000
2	Khu vực còn lại			15,000		20,000
XII Xã Cư Bông						
1	Đường CưYang đi Buôn Trung	Cầu qua sông Krông Pắc	Hết nhà Ông Hoàn	55,000	55,000	
		Hết nhà Ông Hoàn	Hết Đài tưởng niệm	100,000	100,000	
		Hết Đài tưởng niệm	Giáp Buôn Trung	55,000	55,000	
2	Đường liên thôn	Ngã 3 nhà ông Hoàn	Hết trường tiểu học Lý Thương kiệt	80,000	80,000	

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
3	Khu vực còn lại			15,000		20,000
XIII	Xã Cư Prông					
1	Đường liên xã Ea Tyh - Cư Prông	Giáp xã EaTýl	Cầu 13	50,000	50,000	
		Cầu 13	Hết thôn 15	80,000	80,000	
2	Khu dân cư còn lại			20,000		25,000
XIV	Xã Cư Elang					
1	Đường liên xã Ea Ô - Cư Elang	Giáp xã Ea Ô	Hết nhà Ông Võ	50,000	50,000	
2	Khu dân cư còn lại			15,000	15,000	